

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN M  
TỈNH L**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 57/2021/DS-ST

Ngày: 20-12-2021

*V/v tranh chấp Hợp đồng tín dụng.*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN M**

**- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Thanh L1.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Văn L2.

2. Bà Phạm Thị M.

***Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Văn T – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện M.

Trong ngày 20 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh L xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 35/2021/TLST-DS, ngày 06 tháng 5 năm 2021, về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 63/2021/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 11 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP B;

Địa chỉ: Tầng 1,3,4,5,6 tòa nhà Thaiholding Tower, số 210 đường Trần Quang K, phường TT, quận H, thành phố H1.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Doãn S- Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn T1 – Giám đốc phòng giao dịch M – Chi nhánh L.

2. *Bị đơn:* Bà Phạm Thị Ngọc B1, sinh năm 1986;

Địa chỉ: Ấp Bình Tây 1, xã BHT, huyện M, tỉnh L.

*Ông Tuấn có mặt; bà B1 vắng mặt không có lý do.*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP B:* Ngân hàng TMCP B yêu cầu bà Phạm Thị Ngọc B1 phải trả tổng cộng gốc và lãi tính tròn số là 84.486.500 (tám mươi bốn triệu bốn trăm tám mươi sáu ngàn năm trăm) đồng, trong đó số tiền gốc là 53.400.000 (năm mươi ba triệu bốn trăm ngàn) đồng; số tiền lãi theo lãi suất 12%/năm, lãi suất nợ quá hạn là 150% lãi suất cho vay trong hạn, tính đến ngày xét xử 20/12/2021, thành tiền tính tròn số là 31.086.500 (ba mươi một triệu không trăm tám mươi sáu ngàn năm trăm) đồng; yêu cầu phải trả một lần.

*Đề nghị của bà Phạm Thị Ngọc B1:* Bà B1 vắng mặt, không có ý kiến.

*Các tài liệu, chứng cứ do Ngân hàng TMCP B cung cấp:* Hồ sơ pháp lý của ngân hàng; thông tin về khách hàng; hồ sơ liên quan đến khoản vay và tài sản bảo đảm; các bản sao thông báo nợ quá hạn; thông báo khởi kiện; bảng chiết tính lãi.

*Các tài liệu, chứng cứ do bà Phạm Thị Ngọc B1 cung cấp:* Không có.

*Các tình tiết của vụ án:*

*Các tình tiết Ngân hàng TMCP B trình bày:*

Vào ngày 29/12/2016, bà Phạm Thị Ngọc B1 có ký hợp đồng tín dụng số 05/271216/810 vay Ngân hàng TMCP B số tiền 80.000.000 đồng; lãi suất là 12%/năm, lãi suất nợ quá hạn là 150% lãi suất cho vay trong hạn; thời hạn vay 60 tháng; kỳ hạn trả nợ gốc chia thành 60 kỳ, mỗi kỳ 01 tháng, mỗi kỳ trả 1.330.000 đồng, kỳ cuối trả 1.530.000 đồng, trả lãi vào ngày 15 hàng tháng.

Tính đến ngày 24/3/2021, bà B1 chỉ thanh toán cho Ngân hàng TMCP B số tiền 39.882.411 đồng cho 20 kỳ gốc và lãi, trong đó số tiền gốc là 26.600.000 đồng, lãi là 13.282.411 đồng.

Ngân hàng TMCP B xác định không còn người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Ngân hàng TMCP B đề nghị không công khai bản án trên cổng thông tin điện tử tòa án.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu toàn bộ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1]. *Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:* Quan hệ pháp luật là hợp đồng tín dụng giữa tổ chức tín dụng với cá nhân mà bản chất là hợp đồng vay tài sản có kỳ hạn và có lãi được quy định tại Bộ luật dân sự. Bà Phạm Thị Ngọc B1 có địa chỉ tại xã BHT, huyện M, tỉnh L nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện M theo quy định tại các Điều 26, 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. *Về việc giải quyết vắng mặt bà Phạm Thị Ngọc B1*: Bà B1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần theo quy định của pháp luật nhưng vẫn cố tình vắng mặt nên căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà B1.

[3]. *Về yêu cầu đòi tiền gốc của Ngân hàng TMCP B*:

[3.1]. Ngân hàng TMCP B khởi kiện và cung cấp chứng cứ là Hồ sơ vay vốn trong đó có các nội dung thỏa thuận giữa Ngân hàng TMCP B với bà B1 như: số tiền, lãi suất, thời hạn trả tiền, mục đích sử dụng vốn, quyền và nghĩa vụ của các bên và các thỏa thuận khác. Bà Phạm Thị Ngọc B1 vắng mặt, không cung cấp tài liệu, chứng cứ và cũng không có ý kiến phản bác yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP B nên Tòa án căn cứ vào lời trình bày cùng tài liệu, chứng cứ của Ngân hàng TMCP B cung cấp để giải quyết vụ án theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3.2]. Theo hợp đồng tín dụng số 05/271216/810 thể hiện bà B1 vay Ngân hàng TMCP B số tiền 80.000.000 đồng. Theo đại diện ngân hàng trình bày bà B1 đã thanh toán số tiền gốc là 26.600.000 đồng, còn lại số tiền gốc là 53.400.000 (năm mươi ba triệu bốn trăm ngàn) đồng.

[3.3]. Từ những tài liệu, chứng cứ trên, căn cứ quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 470 và 688 Bộ luật dân sự, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP B đối với bà B1, buộc bà B1 có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP B số tiền gốc là 53.400.000 (năm mươi ba triệu bốn trăm ngàn) đồng.

[4]. *Về yêu cầu đòi tiền lãi của Ngân hàng TMCP B*:

Xét thấy, lãi suất hai bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số 05/271216/810 tại thời điểm ký kết phù hợp quy định tại Điều 2 Thông tư 12/2010/TT-NHNN ngày 14 tháng 4 năm 2010 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn về lãi suất thỏa thuận như sau: “*Tổ chức tín dụng niêm yết công khai lãi suất cho vay ở mức hợp lý, trên cơ sở cung - cầu vốn thị trường, nhu cầu vay vốn và mức độ tín nhiệm của khách hàng ...*” và Điều 11 của Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2011 của thống đốc Ngân hàng nhà nước quy định: “*Mức lãi suất áp dụng đối với khoản nợ gốc quá hạn do tổ chức tín dụng ấn định và thỏa thuận với khách hàng trong hợp đồng tín dụng nhưng không vượt quá 150% lãi suất cho vay áp dụng trong thời hạn cho vay đã được ký kết hoặc điều chỉnh trong hợp đồng tín dụng*”; thỏa thuận về lãi suất trên cũng phù hợp với quy định tại Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 nên chấp nhận, buộc bà Phạm Thị Ngọc B1 phải trả cho Ngân hàng TMCP B số tiền lãi 21.460.215 đồng, lãi phạt 9.626.317 đồng, tính tròn số là 31.086.500 (ba mươi một triệu không trăm tám mươi sáu ngàn năm trăm) đồng (có kèm theo bảng chiết tính).

[5]. Về trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền: Được áp dụng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị quyết 01/2019/HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

[6]. *Về thời gian trả và cách thức trả*: Ngân hàng TMCP B yêu cầu trả một lần, bà B1 vắng mặt, không có ý kiến nên xem như các đương sự không thỏa thuận được, vấn đề này thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan Thi hành án dân sự nên Tòa án không xem xét giải quyết trong vụ án này.

[7]. *Về án phí*: Bà Phạm Thị Ngọc B1 phải chịu số tiền 4.224.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Ngân hàng TMCP B không phải chịu án phí nên được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**1.** Căn cứ các Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 470 và Điều 688 Bộ luật dân sự; Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện về tranh chấp hợp đồng tín dụng của Ngân hàng TMCP B đối với bà Phạm Thị Ngọc B1, buộc bà B1 có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP B số tiền gốc là 53.400.000 (năm mươi ba triệu bốn trăm ngàn) đồng, số tiền lãi tính tròn số là 31.086.500 (ba mươi một triệu không trăm tám mươi sáu ngàn năm trăm) đồng, tổng cộng là 84.486.500 (tám mươi bốn triệu bốn trăm tám mươi sáu ngàn năm trăm) đồng.

**2.** Về trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền: Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

**3.** Về án phí, căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị 3 quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội:

**3.1.** Buộc bà Phạm Thị Ngọc B1 phải chịu số tiền 4.224.000 (bốn triệu hai trăm hai mươi bốn ngàn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

**3.2.** Ngân hàng TMCP B không phải chịu án phí, hoàn trả cho Ngân hàng TMCP B số tiền 1.910.000 (một triệu chín trăm mười ngàn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000237 ngày 06 tháng 5 năm 2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện M.

**4.** Căn cứ vào các Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự, về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc Tòa án niêm yết bản án.

**5.** Về việc thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- TAND tỉnh L;
- VKSND tỉnh L;
- VKSND huyện M;
- CC.THADS huyện M;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thanh L1**